

Số 01/QC- UB

Quang Sơn, ngày 20 tháng 02 năm 2020

QUY CHẾ

Về việc quản lý và sử dụng các quỹ công chuyên dùng năm 2020

Căn cứ vào Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 20/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND xã Quang Sơn về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

UBND xã Quang Sơn xây dựng quy chế thu- chi các quỹ công chuyên dùng của xã năm 2020 như sau,

I. Phần thu:

Phân đầu thu đạt 100% các quỹ tính theo kế hoạch đầu hộ bao gồm các loại quỹ:

1. Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 10.000 đ/hộ
2. Quỹ trẻ thơ: 10.000đ/hộ
3. Quỹ vì người nghèo: 10.000đ/hộ
4. Quỹ chăm sóc người cao tuổi: 20.000đ/hộ
5. Quỹ chữ thập đỏ (Nhân đạo): 10.000đ/hộ

II. Phần chi:

Quy định nội dung và mức chi cụ thể cho từng loại quỹ như sau:

1. Quỹ đền ơn đáp nghĩa:

- Nội dung chi: Chi quà các ngày lễ, tết cho các đối tượng chính sách và đối tượng thờ cúng, chi thăm hỏi ốm đau bệnh tật, chi kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ, chi triển khai công tác, hội nghị tổng kết, chi khen thưởng trong phong trào đền ơn đáp nghĩa và một số nội dung chi khác liên quan đến hoạt động chính sách, người có công,

- Mức chi: Chi tặng quà lễ tết, chi thăm hỏi các đối tượng khi ốm đau, mức chi không quá 500.000đ/người, chi hỗ trợ cho đối tượng chính sách khi gặp thiên tai, hỏa hoạn, qua đời, mức chi không quá 2.000.000đ/người, chi kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ mức chi không quá 300.000đ/người, còn chi triển khai công tác, hội nghị tổng kết và một số nội dung chi khác liên quan đến hoạt động chính sách, người có công, mức chi áp dụng như ngân sách nhà nước quy định, chi khen thưởng trong phong trào đền ơn đáp nghĩa. Mức chi: Chi cho cá nhân chi không quá 150.000đ/người, chi cho tập thể mức chi không quá 300.000đ/ tập thể.



2. Quỹ chất độc da cam:

- Nội dung: Chi thăm hỏi các hội viên ốm đau, qua đời, chi quà các ngày lễ, tết cho các hội viên, chi hội họp, hội nghị tổng kết công tác hội.....

- Mức chi: Chi hỗ trợ thăm hỏi các đối tượng khi ốm đau, chi tặng quà lễ tết mức chi không quá 500.000đ/người, chi hỗ trợ cho đối tượng qua đời, khi gặp thiên tai, hỏa hoạn, mức chi không quá 2.000.000đ/người, chi kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ, người bị nhiễm chất độc hóa học mức chi không quá 300.000đ/người, còn chi triển khai công tác, hội nghị tổng kết và một số nội dung chi khác liên quan đến hoạt động chính sách da cam, mức chi áp dụng như ngân sách nhà nước quy định, chi khen thưởng. Chi cho cá nhân chi không quá 150.000đ/người, chi cho tập thể mức chi không quá 300.000đ/ tập thể.

3. Quỹ trẻ thơ:

- Nội dung: Chi hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, dịp tết và đột xuất như: Tại nạn đột xuất, khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc màu da cam, phẫu thuật tim, trẻ em nghèo bị suy dinh dưỡng, mồ côi.....chi nộp quỹ BTTE về huyện, tặng quà tết trung thu cho các cháu thiếu nhi, chi tổng kết công tác hè, khai giảng năm học mới...

- Mức chi: Quà tết trung thu, tết thiếu nhi, mức chi tối đa không quá 3.000.000đ/xóm, hỗ trợ cho các trường học không quá 500.000đ/đợt, chi hỗ trợ tại nạn đột xuất, mổ tim, bệnh hiểm nghèo và hỗ trợ các cháu khuyết tật nặng, mức chi không quá 1.000.000đ/cháu,

4. Quỹ vì người nghèo:

- Nội dung: Chi thăm hỏi, tặng quà trong dịp tết các hộ nghèo đặc biệt khó khăn, chi hỗ trợ các hộ nghèo gặp thiên tai, hỏa hoạn, chi hỗ trợ hộ nghèo làm nhà đại đoàn kết, chi bình xét giảm nghèo, triển khai xóa nhà dột nát, triển khai hồ sơ làm nhà đại đoàn kết...

- Mức chi: Chi hỗ trợ hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, sửa chữa nhà ở và công trình phụ, mức chi không quá 5.000.000đ/hộ, chi làm nhà đại đoàn kết, mức chi không quá 10.000.000đ/hộ, chi hỗ trợ cho hộ nghèo khi gặp thiên tai, hỏa hoạn, mức chi không quá 5.000.000đ/hộ, chi hỗ trợ cho các hộ nghèo phát triển kinh tế gia đình. Mức chi không quá 2.000.000đ/hộ, chi triển khai, họp xét giảm nghèo, hội nghị sơ tổng kết. Mức chi áp dụng như ngân sách nhà nước quy định, chi khen thưởng. Mức chi: Chi cho cá nhân chi không quá 150.000đ/người, chi cho tập thể mức chi không quá 300.000đ/ tập thể.

5. Quỹ chăm sóc người cao tuổi:

- Nội dung: Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi, chi hỗ trợ quà trong dịp tết, thăm hỏi ốm đau, qua đời, hàng năm chi quà động viên cho các cụ cao tuổi, chi khen thưởng người cao tuổi có thành tích xuất sắc, chi tổng kết

công tác hội, chi kỷ niệm các ngày lễ, giao lưu, chi hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ, mua sách nghiệp vụ, chi các khoản chi khác....

- Mức chi: Chi hội nghị sơ, tổng kết, hội nghị triển khai và các khoản chi khác mức chi áp dụng như ngân sách nhà nước quy định, chi hỗ trợ đi tập huấn, mức chi không quá 30.000đ/người/ngày, chi thăm hỏi ốm đau, già yếu và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn chi không quá 300.000đ/1 lượt, chi thăm hỏi động viên hàng năm chỉ 1 lần/năm mức chi không quá 300.000đ, chi khen thưởng người cao tuổi có thành tích xuất sắc, mức chi: Chi cho cá nhân chi không quá 150.000đ/người, chi cho tập thể mức chi không quá 300.000đ/ tập thể.

6. Quỹ chữ thập đỏ:

Chi các hoạt động của hội Chữ thập đỏ: Chi hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, các đối tượng ốm đau tàn tật, bệnh hiểm nghèo, mồ côi, chi triển khai, sơ tổng kết công tác của hội, hỗ trợ tham gia hiến máu tình nguyện...

Mức chi: Chi hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, các đối tượng ốm đau tàn tật, bệnh hiểm nghèo, mồ côi, mức chi tối đa không quá 300.000đ/người. Chi triển khai, sơ tổng kết công tác của hội áp dụng như ngân sách nhà nước quy định, hỗ trợ tham gia hiến máu tình nguyện, mức chi tối đa không quá 100.000đ/người/ lần.

III. Công tác quản lý các quỹ.

Các quỹ trên do UBND xã quản lý, UBMTTQ xã, Hội người cao tuổi, Hội chữ thập đỏ đôn đốc thực hiện;

Tất cả các loại quỹ trên đều được thu bằng biên lai do Bộ Tài chính phát hành và số thu được phải nộp vào tài khoản tiền gửi các quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ. Thu chi các quỹ phải được quản lý qua hệ thống sổ sách, sử dụng đúng nội dung, mục đích và chi trong số kinh phí hiện có của quỹ, nếu trong năm quỹ nào chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục hoạt động. Các nội dung chi đều phải có chứng từ cụ thể rõ ràng, được chủ tài khoản phê duyệt.

Trên đây là quy chế thu- chi các quỹ công chuyên dùng của UBND xã Quang Sơn, đề nghị các tổ chức hội, ban ngành sử dụng quỹ nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, TT HĐND- UBND (B/c);
- Các tổ chức hội ở xã (T/h);
- Lưu VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Chu Đức Hậu

BÁO CÁO TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Thời điểm báo cáo: 18/12/2020
 Chỉ tiết tài sản đến bậc: 6

DVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tài trống hoặc thông số kỹ thuật	Số tầng	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Ngân sách	Trong đó	
							Ngân sách	Khác		
Đất				1	3.061,20		4.591.800,000			4.591.800,000
Đất trụ sở				1	3.061,20		4.591.800,000			4.591.800,000
Đất trụ sở	2004			1	3.061,20	100	4.591.800,000			4.591.800,000
Nhà, công trình xây dựng				3	1.362,38		4.034.644,000			2.105.303,308
Nhà cấp IV				3	1.362,38		4.034.644,000			2.105.303,308
Nhà một cửa UBND	2018	Nhà cấp IV	2	1	480,00	87	2.429.383,000			2.105.303,308
nha lam viec 2 tang	2004		2	1	588,25		1.267.761,000			
nha lam viec 1 tang	2004		1	1	294,13		337.500,000			
Vật kiến trúc				4	4.321,15		6.961.803,000			6.095.503,600
Kè, đập, đê, công, kènh, mương, mương, bên cãng, ụ tàu				3	3.376,00		5.260.612,000			4.734.550,800
Xây dựng trạm bơm điện và kènh mương xôm Viên Văn xã	2018			1	1.442,00	90	2.256.493,000			2.030.843,700



2018	Xây dựng trạm bơm điện và kênh mương xóm Lân Tây xã Quang Sơn	1	556,00	90	1.710.629.000	1.710.629.000	1.710.629.000	1.539.566.100
2018	Cải tạo sửa chữa kênh mương nội đồng xóm Xuân Quang 1, xóm Đông Chông	1	1.378,00	90	1.293.490.000	1.293.490.000	1.164.141.000	
	Các vật kiến trúc khác	1	945,15		1.701.191.000	1.701.191.000	1.360.952.800	
2018	Đường vào khu sản xuất lúa Lân Tây - Bãi Cỏ	1	945,15	80	1.701.191.000	1.701.191.000	1.360.952.800	
	Máy móc, thiết bị	16			234.954.000	195.724.000	63.117.250	
	Máy móc, thiết bị văn phòng	14			211.015.000	171.785.000	54.995.500	
	Máy vi tính để bàn	9			139.005.000	111.525.000	23.958.000	
2014	Máy vi tính	1			18.950.000	18.950.000		
2018	Máy tính đồng bộ CMS X-Media X938-666TN	1		60	13.740.000	13.740.000	8.244.000	
2008	Máy tính xách tay	1			15.620.000	15.620.000		
2006	Máy vi tính	1			11.440.000	11.440.000		
2018	Máy tính đồng bộ CMS X-Media X938-666TN	1		60	13.740.000	13.740.000	8.244.000	
2011	Máy vi tính	1			22.700.000	22.700.000		
2008	Máy vi tính	1			13.045.000	13.045.000		
2013	Máy vi tính	1			17.320.000	17.320.000		
2018	Máy bàn	1		60	12.450.000	12.450.000	7.470.000	
	Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)	3			40.400.000	40.400.000	21.960.000	
2019	Máy tính xách tay Dell	1		80	14.500.000	14.500.000	11.600.000	
2017	Máy tính xách tay Dell năm 2017	1		40	13.000.000	13.000.000	5.200.000	
2017	Máy tính xách tay Dell	1		40	12.900.000	12.900.000	5.160.000	
	Máy điều hòa không khí	1			19.860.000	19.860.000	4.965.000	
2014	Máy điều hòa	1		25	19.860.000	19.860.000	4.965.000	
	Máy móc, thiết bị văn phòng	1			11.750.000	11.750.000	4.112.500	
2016	May Scan A4 HP Scanjet Pro - phổ biến khác	1		35	11.750.000	11.750.000	4.112.500	



Quang Sơn, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chu Đức Hậu



(Handwritten signature)

Kế toán trưởng

Âu Thị Hoàn

(Handwritten signature)

Lập biểu

Âu Thị Hoàn

(Handwritten signature)

Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị					2	23.939.000	23.939.000			8.121.750
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng loại với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (nhóm 601)										
Máy điều hòa không khí					1	10.829.000	10.829.000			8.121.750
Điều hòa	2018				1	10.829.000	10.829.000	75		8.121.750
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị					1	13.110.000	13.110.000			
Thiết bị âm thanh					1	13.110.000	13.110.000			
Loa đài âm lý	2008				1	13.110.000	13.110.000			
Tài sản cố định hữu hình khác					2	25.590.000	25.590.000			10.942.500
Bản ghế đồng ky	2011				1	11.000.000	11.000.000			
Bản ghế tiếp khách	2018				1	14.590.000	14.590.000	75		10.942.500
Tổng cộng					26	8.744,73	15.848.791.000			12.866.666.658
						39.230.000	15.809.561.000			

THAI NGUYEN N.B.U.